

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2014

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 2336/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2014 (như biểu đính kèm).

Điều 2. Sau khi nhận được các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2014, các Bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước triển khai giao chỉ tiêu kế hoạch cho các đơn vị thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước có trách nhiệm thực hiện quyết định này; tổ chức triển khai thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2014 (bao gồm

các chỉ tiêu được quy định tại Nghị quyết số 53/2013/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội, các chỉ tiêu quy định tại Quyết định số 2336/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ và các chỉ tiêu quy định tại Quyết định này); báo cáo tình hình triển khai kế hoạch và kết quả thực hiện về Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ. / *VS*

Nơi nhận:

- Các Bộ, cơ quan Trung ương;
- UBND, Sở KH&ĐT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước;
- Lãnh đạo Bộ;
- Các Vụ liên quan trong Bộ;
- Lưu: VT, Vụ THKTQD (5b).



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 1963/ SY-UBND

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, TC, LĐ-TB&XH, Y tế, GD-ĐT, VH TT&DL, NN&PTNT;
- Công an tỉnh;
- Lãnh đạo VP, K1;
- Lưu: VT (19b).

SAO Y BẢN CHÍNH

Bình Định, ngày 09 tháng 12 năm 2013

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG**

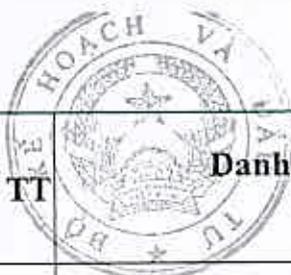


**NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2014**

(Kèm theo Quyết định số 1836/QĐ-BKHĐT ngày 02 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Số TT	Danh mục các chương trình, mục tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2014
1	Chương trình mục tiêu quốc gia Việc làm và dạy nghề		
1.1	Hỗ trợ cơ sở vật chất, thiết bị cho các trường dạy nghề		
	- Trường chất lượng cao	trường	1
1.2	Số lao động nông thôn được hỗ trợ học nghề theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ	người	5 600
1.3	Số lao động được hỗ trợ tạo việc làm thông qua các dự án vay vốn tạo việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm	người	1 600
1.4	Số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được hỗ trợ tiền học phí, ăn ở, đi lại và làm các thủ tục xuất cảnh	người	230
2	Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững		
	- Giảm tỷ lệ hộ nghèo trong năm	%	1,5
3	Chương trình mục tiêu quốc gia Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn		
3.1	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	93
3.2	Tỷ lệ số hộ gia đình nông thôn có nhà tiêu hợp vệ sinh	%	67
3.3	Tỷ lệ số hộ nông dân nông thôn có chuồng trại hợp vệ sinh	%	69
3.4	Tỷ lệ các trạm y tế xã có công trình cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh	%	100
3.5	Tỷ lệ các trường học mầm non và phổ thông có công trình cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh	%	81

Số TT	Danh mục các chương trình, mục tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2014
4	Chương trình mục tiêu quốc gia Y tế		
4.1	Phòng chống bệnh phong		
	- Tỷ lệ lưu hành 1/10.000 dân	1/10.000	0,1
	- Tỷ lệ phát hiện 1/100.000 dân	1/100.000	1
4.2	Phòng chống bệnh lao		
	- Phát hiện bệnh nhân các thể	bệnh nhân	2 638
	- AFB (+) mới	bệnh nhân	980
	- Tỷ lệ điều trị khỏi	%	>85
4.3	Phòng chống bệnh sốt rét		
	- Tỷ lệ bệnh nhân mắc sốt rét/1.000 dân số chung	1/1.000	0,29
	- Số dân được bảo vệ	lượt người	58 100
	- Lượt điều trị	lượt	6 086
	- Số lam xét nghiệm	lam	80 000
4.4	Phòng chống bệnh sốt xuất huyết		
	- Tỷ lệ mắc/100.000 dân	1/100.000	73,57
	- Tỷ lệ chết/mắc	%	0,14
4.5	Phòng chống bệnh ung thư		
	- Tỷ lệ cán bộ y tế chuyên khoa ung thư được tham gia đào tạo, tập huấn, nâng cao nghiệp vụ	%	50
4.6	Tăng huyết áp		
	- Số lượng cán bộ được đào tạo về tổ chức quản lý dự án, kiến thức chuyên môn tim mạch và tăng huyết áp	cán bộ	273
	- Duy trì mô hình quản lý bệnh nhân tăng huyết áp	xã	18



Số TT	Đanh mục các chương trình, mục tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2014
	- Sàng lọc và quản lý được tối thiểu 50% bệnh nhân tăng huyết áp trên tất cả các xã/phường đã qua sàng lọc	người	2 490
4.7	Đái tháo đường		
	- 2 – 3% phường/xã thụ hưởng sàng lọc hoặc số người có yếu tố nguy cơ được sàng lọc		
	Số phường/xã	phường/xã	5
	Số người được khám sàng lọc	người	1 250
	- Đào tạo 60% số cán bộ tham gia công tác phát hiện sớm tiền đái tháo đường và đái tháo đường	người	106
4.8	Bảo vệ sức khoẻ tâm thần cộng đồng và trẻ em		
	- Số xã/ phường triển khai mới		
	Động kinh	xã/phường	20
	- Số bệnh nhân mới phát hiện		
	Động kinh	xã/phường	300
	- Số bệnh nhân ổn định		
	Động kinh	xã/phường	210
4.9	Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính		
	- Tỷ lệ đơn thuốc điều trị bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính và hen tại các phòng quản lý kê đúng mức độ nặng	%	70
4.10	Tiêm chủng mở rộng		
	- Tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin cho trẻ dưới 1 tuổi	%	90
	- Tỷ lệ tiêm chủng vắc xin uốn ván cho phụ nữ có thai	%	80
4.11	Chăm sóc sức khỏe sinh sản		
	- Tỷ lệ phụ nữ có thai khám thai ít nhất 3 lần trong 3 thai kỳ	%	98,5

Số TT	Danh mục các chương trình, mục tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2014
	- Tỷ lệ phụ nữ đẻ được nhân viên y tế đã qua đào tạo đỡ	%	99,6
	- Tỷ lệ bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc sau sinh	%	98
	- Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi	‰	15,6
	- Số điểm cung cấp dịch vụ thân thiện với vị thành niên được duy trì	điểm	2
	- Tỷ lệ cơ sở cung cấp dịch vụ được giám sát hỗ trợ kỹ thuật	%	0,5
4.12	Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em		
	- Tỷ lệ suy dinh dưỡng nhẹ cân của trẻ em dưới 5 tuổi	%	16
	- Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi	%	26,3
4.13	Nâng cao năng lực truyền thông và giám sát, đánh giá thực hiện chương trình		
	- Số lớp tập huấn cho cán bộ quản lý	lớp	1
	- Tỷ lệ các huyện được giám sát kế hoạch	%	90
4.14	Vận động hiến máu tình nguyện		
	- Tỷ lệ người hiến máu tình nguyện trên tổng số người hiến máu	%	96,5
	- Tỷ lệ người hiến máu trên tổng dân số tại địa bàn	%	0,94
5	Chương trình mục tiêu quốc gia Dân số và Kế hoạch hóa gia đình		
5.1	Mức giảm tỷ lệ sinh	‰	0,1
5.2	Tốc độ tăng tỷ số giới tính khi sinh	%	0,3
5.3	Tỷ lệ sàng lọc trước sinh	%	10
5.4	Tỷ lệ sàng lọc sơ sinh	%	25
5.5	Số người mới thực hiện biện pháp tránh thai hiện đại trong năm	người	73 660



Số TT	Danh mục các chương trình, mục tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2014
6	Chương trình mục tiêu quốc gia Vệ sinh an toàn thực phẩm		
6.1	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm được kiểm tra đạt yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm	%	80
6.2	Số ca ngộ độc trong các vụ ngộ độc thực phẩm được báo cáo	ca	< 7
6.3	Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông sản được kiểm tra về an toàn thực phẩm	%	60
6.4	Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm thủy sản được kiểm tra về an toàn thực phẩm	%	100
7	Chương trình mục tiêu quốc gia Văn hóa		
7.1	Tu bổ, tôn tạo tổng thể di tích	di tích	2
7.2	Tu bổ cấp thiết di tích	di tích	1
7.3	Sưu tầm văn hóa phi vật thể	làng/bản	1
7.4	Hỗ trợ xây dựng nhà văn hóa		
	- Cấp xã	nhà văn hóa	1
	- Cấp thôn	nhà văn hóa	1
7.5	Hỗ trợ trang thiết bị nhà văn hóa		
	- Cấp huyện	nhà văn hóa	1
7.6	Hỗ trợ thiết bị đội tuyên truyền lưu động	đội	1
8	Chương trình mục tiêu quốc gia Giáo dục và đào tạo		
8.1	Phổ cập mầm non 5 tuổi		
	- Số thiết bị dạy học tối thiểu	bộ	40
	- Số đồ chơi ngoài trời	bộ	32
	- Số thiết bị, phần trò chơi làm quen với máy tính	bộ	57
8.2	Số giáo viên dạy tiếng anh cốt cán được bồi dưỡng trong nước	người	77



Số TT	Danh mục các chương trình, mục tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2014
9	Chương trình mục tiêu quốc gia Phòng, chống ma túy		
9.1	Tỷ lệ người nghiện ma túy tham gia cai nghiện tại cộng đồng	%	15
9.2	Tỷ lệ người nghiện ma túy tham gia cai nghiện tại cơ sở tập trung	%	30
9.3	Tỷ lệ bắt giữ tội phạm ma túy tăng so với năm 2013	%	5-8
9.4	Số xã, phường, thị trấn có tệ nạn ma túy giảm so với năm 2013	xã/phường/ thị trấn	2
9.5	Tỷ lệ diện tích tái trồng cây thuốc phiện được phát hiện bị triệt phá	%	100
10	Chương trình mục tiêu quốc gia Phòng, chống tội phạm		
10.1	Tỷ lệ điều tra, khám phá các vụ án	%	>70
10.2	Tỷ lệ điều tra, khám phá các vụ án rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng	%	>90
10.3	Tỷ lệ truy bắt, vận động đối tượng truy nã hiện có	%	>50
11	Chương trình mục tiêu quốc gia Phòng, chống HIV/AIDS		
11.1	Tỷ lệ cán bộ làm công tác phòng, chống HIV/AIDS ở các Ban ngành, đoàn thể của địa phương được đào tạo về truyền thông phòng, chống HIV/AIDS	%	40
11.2	Tỷ lệ cơ quan thông tin đại chúng địa phương đăng - phát thông tin về phòng, chống HIV/AIDS hàng tháng	%	50
11.3	Tỷ lệ xã tổ chức hoạt động truyền thông phòng, chống HIV/AIDS	%	50
11.4	Tỷ lệ doanh nghiệp (nhỏ và vừa) tổ chức hoạt động phòng, chống HIV/AIDS	%	20
11.5	Số mẫu giám sát trọng điểm HIV	số mẫu	2 600
11.6	Số mẫu giám sát phát hiện	số mẫu	2 000
11.7	Tỷ lệ trẻ sinh ra từ mẹ nhiễm và nghi nhiễm HIV được làm xét nghiệm chuẩn đoán sớm nhiễm HIV	%	100



Số TT	Danh mục các chương trình, mục tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2014
11.8	Tỷ lệ người nghiện chích ma túy sử dụng bơm kim tiêm sạch	%	65
11.9	Tỷ lệ người bán dâm sử dụng bao cao su trong quan hệ tình dục	%	75
11.10	Tỷ lệ MSM sử dụng bao cao su khi quan hệ tình dục đồng giới qua đường hậu môn	%	35
11.11	Số bệnh nhân điều trị ARV người lớn	bệnh nhân	100
11.12	Số trẻ em điều trị ARV	trẻ em	15
11.13	Tỷ lệ phụ nữ mang thai được xét nghiệm HIV	%	35
11.14	Tỷ lệ bệnh nhân lao được xét nghiệm HIV	%	45
11.15	Tỷ lệ phụ nữ mang thai có HIV dương tính được điều trị dự phòng lây từ mẹ sang con	%	75
11.16	Tỷ lệ người nhiễm HIV mắc lao được điều trị đồng thời lao và ARV	%	70